

TỜ TRÌNH

**V/v thông qua Nghị quyết về Kế hoạch Đầu tư công năm 2023
tỉnh Quảng Bình (nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý)**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVIII

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 71/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh của HĐND tỉnh về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách tỉnh quản lý (lần 1) và Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (lần 1) và thông qua kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (lần 2) nguồn ngân sách tỉnh quản lý;

Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023;

UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết về Kế hoạch Đầu tư công năm 2023 (nguồn ngân sách tỉnh quản lý) với nội dung sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022

1. Nguồn vốn đầu tư:

Tổng số vốn đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách tỉnh được giao: **2.728.370 triệu đồng** (trong đó: Ngân sách tỉnh phân bổ là 1.248.240 triệu đồng; Ngân sách huyện, thị xã, thành phố phân bổ là 1.480.130 triệu đồng).

2. Tình hình thực hiện:

Năm 2022, việc triển khai thực hiện và quản lý vốn đầu tư phát triển trên địa bàn tỉnh đảm bảo chặt chẽ và hiệu quả. UBND tỉnh giao vốn từ đầu năm để

các chủ đầu tư chủ động triển khai thực hiện sớm, việc bố trí vốn đảm bảo các tiêu chí, định mức phân bổ theo quy định; tập trung bố trí các công trình hoàn thành, quyết toán; bố trí cho các công trình chuyển tiếp để đẩy nhanh tiến độ thực hiện; ưu tiên các công trình cấp bách, công trình trọng điểm có ý nghĩa tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Các nguồn vốn bố trí trong kế hoạch đã tập trung hơn, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước; việc quản lý các nguồn vốn chặt chẽ, đảm bảo công khai, minh bạch.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc tăng cường công tác thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công, phân đấu giải ngân cao nhất kế hoạch vốn được giao, UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản¹ chỉ đạo các sở ngành, địa phương, các chủ đầu tư đơn đốc các nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công và thực hiện các thủ tục nghiệm thu, thanh thanh quyết toán vốn đầu tư thực hiện theo đúng quy định. Đồng thời thành lập các Ban Chỉ đạo², các Tổ công tác của UBND tỉnh do các Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Tổ trưởng để chỉ đạo, đơn đốc triển khai thực hiện. Nhờ sự chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh thực hiện và giải ngân tương đối tốt, tuy nhiên vẫn chưa đảm bảo tiến độ theo yêu cầu. Tỷ lệ giải ngân nguồn ngân sách tỉnh tính đến 30/11/2022 là 66,5%³.

Việc giải ngân thấp các tháng đầu năm do một số nguyên nhân khách quan và chủ quan như: (i) kế hoạch vốn 2022 phân bổ cho các dự án khởi công mới và chuẩn bị đầu tư nên các tháng đầu năm đang thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư (ii) Công tác giải phóng mặt bằng của một số dự án gặp nhiều khó khăn, vướng mắc; (iii) Giá cả nguyên vật liệu tăng đột biến ảnh hưởng đến việc thực hiện các hợp đồng xây dựng và có hiện tượng nhà thầu thi công cầm chừng làm chậm tiến độ công trình, dự án; (3) Thủ tục đầu tư theo quy định còn kéo dài⁴; (4) Một số chủ đầu tư thiếu kinh nghiệm, đơn vị quản lý dự án thiếu năng lực dẫn đến công tác điều hành còn lúng túng, tiến độ thi công chậm.

UBND tỉnh sẽ tiếp tục tập trung chỉ đạo, giải quyết các điểm nghẽn, khó khăn, vướng mắc, phân đấu giải ngân cao nhất kế hoạch vốn năm 2022 được giao.

II. NGUỒN VỐN, NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

1. Căn cứ pháp lý:

Căn cứ Quyết định số /QĐ-TTg ngày /12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

¹ Văn bản số 159/UBND-TH ngày 09/02/2022; 671/UBND-TH ngày 22/4/2022; 724/UBND-TH ngày 05/5/2022; 2133/VPUBND-TH ngày 13/6/2022; 1078/UBND-TH ngày 21/6/2022; 1140/UBND-TH ngày 28/6/2022, Văn bản số 1492/UBND-TH ngày 16/8/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2022.

² Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3 (dự án trọng điểm của tỉnh), Ban Chỉ đạo dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam (đoạn qua Quảng Bình).

³ Theo báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 8700/BC-BKHĐT ngày 30/11/2022.

⁴ Thời gian này thường kéo dài từ 4 đến 6 tháng (các thủ tục liên quan ở các Bộ, ngành Trung ương chuyển đổi đất rừng, đất lúa, ĐTM), do đó tiến độ giải ngân vốn của những dự án khởi công mới chỉ được đẩy mạnh vào những tháng cuối năm. Thủ tục gia hạn thời gian thực hiện dự án ODA kéo dài ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân.

Căn cứ Nghị quyết số 71/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh của HĐND tỉnh về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách tỉnh quản lý (lần 1) và Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2022 (lần 1) và thông qua kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (lần 2) nguồn ngân sách tỉnh quản lý;

Căn cứ Nghị quyết số/2022/NQ-HĐND ngày .../12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Dự toán thu, chi Ngân sách Nhà nước năm 2023;

2. Nguyên tắc và thứ tự ưu tiên phân bổ:

- Phù hợp với các quy định của Luật Đầu tư công, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công, Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, Nghị quyết 71/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 – 2025 và Quyết định giao vốn năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ.

- Việc phân bổ vốn trong từng ngành, lĩnh vực, chương trình theo thứ tự ưu tiên sau:

+ Bố trí đủ vốn cho các dự án hoàn thành đã quyết toán; thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản;

+ Bố trí vốn đối ứng cho các dự án ODA;

+ Bố trí vốn các dự án dự kiến hoàn thành năm kế hoạch; Dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt;

+ Bố trí vốn để thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư và nhiệm vụ quy hoạch;

+ Bố trí vốn hỗ trợ doanh nghiệp theo các chính sách ưu đãi của tỉnh và hỗ trợ các dự án PPP, Hỗ trợ cho các DN cung cấp hàng hóa, dịch vụ công ích (bao gồm bổ sung vốn điều lệ cho Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Quảng Bình);

+ Bố trí vốn đối ứng 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

+ Bố trí vốn cho các công trình trọng điểm, có tính liên kết vùng;

+ Hỗ trợ xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở;

+ Đầu tư khắc phục, thích ứng các khu vực ngập lụt;

+ Bố trí vốn cho dự án khởi công mới năm 2023 (đã thực hiện chuẩn bị đầu tư trong năm 2022) theo đúng quy định .

3. Nguồn vốn phân bổ:



Tổng nguồn vốn đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách tỉnh là: **3.661.915 triệu đồng**⁵. Trong đó, nguồn vốn đầu tư công do tỉnh phân bổ là 1.716.225 triệu đồng; do huyện, thị xã, thành phố phân bổ là 1.945.690 triệu đồng. Cụ thể:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch năm 2023
*	TỔNG NGUỒN	3.661.915
I	Nguồn vốn tỉnh phân bổ	1.716.225
1	Nguồn Ngân sách tập trung	287.175
2	Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất	925.000
3	Nguồn Xổ số kiến thiết	55.000
4	Nguồn thu phí sử dụng kết cấu hạ tầng khu vực cửa khẩu	24.050
5	Bổ sung từ nguồn vượt thu tiền đất năm 2022	425.000
II	Nguồn vốn giao cấp huyện phân bổ	1.945.690
1	Nguồn Ngân sách tập trung	191.450
2	Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất	1.754.240

4. Phương án phân bổ: Phương án phân bổ thuộc kế hoạch đầu tư công năm 2023 (nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý):

Trên cơ sở thông báo vốn của Thủ tướng chính phủ và nhu cầu thực tế của tỉnh, UBND tỉnh Quảng Bình dự kiến phương án phân bổ chi tiết nguồn ngân sách tỉnh phân bổ với số tiền 1.716.225 triệu đồng, theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Bố trí đủ vốn cho các dự án hoàn thành quyết toán và trả nợ XDCB: 55.000 triệu đồng.

- Bố trí vốn cho đối ứng cho các dự án ODA: 53.720 triệu đồng.

- Bố trí vốn cho dự án dự kiến hoàn thành năm kế hoạch; Dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt: 471.450 triệu đồng (Các dự án chuyển tiếp: bố trí đến năm 2023 đạt khoảng 80-85% kế hoạch đầu tư công trung hạn đã giao⁶).

- Bố trí vốn để thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư và nhiệm vụ quy hoạch: 10.000 triệu đồng.

- Bố trí vốn đối ứng 03 chương trình mục tiêu quốc gia: 47.500 triệu đồng.

⁵ Không tính bội chi ngân sách địa phương 344.700 triệu đồng.

⁶ Riêng đối với các dự án nâng cấp, sửa chữa trụ sở: Cải tạo trụ sở làm việc và khuôn viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Bình; Nâng cấp, sửa chữa một số hạng mục Trung tâm giáo dục dạy nghề và hỗ trợ Nông dân -Phụ nữ Quảng Bình; Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Ban Dân tộc và nâng cấp hệ thống dữ liệu công tác dân tộc; Cải tạo trụ sở làm việc Liên đoàn Lao động tỉnh Quảng Bình và các đơn vị trực thuộc; Sửa chữa, mở rộng trụ sở Đảng ủy Khối Doanh nghiệp; Nâng cấp, triển khai, nhân rộng phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Quảng Bình, một số trường học... ưu tiên bố trí hết để sớm hoàn thành đưa vào sử dụng theo đề xuất của Chủ đầu tư;

- Bố trí vốn hỗ trợ doanh nghiệp theo các chính sách ưu đãi của tỉnh và hỗ trợ các dự án PPP, Hỗ trợ cho các DN cung cấp hàng hóa, dịch vụ công ích (bao gồm bổ sung vốn điều lệ cho Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Quảng Bình): 21.000 triệu đồng.

- Bố trí vốn cho các công trình trọng điểm: 214.950 triệu đồng⁷.

- Hỗ trợ xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở: 40.000 triệu đồng.

- Đầu tư khắc phục, thích ứng các khu vực ngập lụt: 40.000 triệu đồng.

- Bố trí vốn cho dự án khởi công mới năm 2023 (đã thực hiện chuẩn bị đầu tư trong năm 2022): 762.605 triệu đồng (bố trí đạt khoảng 30-35% kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn đã giao).

(Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo)

III. QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO NGHỊ QUYẾT:

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các sở, ngành liên quan và các Ban của HĐND tỉnh tham gia thẩm tra Nghị quyết về Kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách tỉnh quản lý; đảm bảo quy trình, thủ tục trong xây dựng Nghị quyết.

IV. NỘI DUNG CỦA NGHỊ QUYẾT:

Dự thảo Nghị quyết gồm 03 Điều, trong đó:

Điều 1. Thông qua Kế hoạch đầu tư công năm 2023 nguồn Ngân sách tỉnh quản lý.

Điều 2. Tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành của Nghị quyết.

(Có Dự thảo Nghị quyết kèm theo)

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Các Sở: KHĐT, TC;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Mạnh Hùng

⁷ Dự án chuyển tiếp (khởi công mới năm 2022, hoàn thành năm 2025) đối với dự án nhóm B: theo tiến độ bố trí vốn đến năm 2023 đạt khoảng 55% kế hoạch đầu tư công trung hạn đã giao cho dự án. Tuy nhiên, Dự án Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quảng Bình (cơ sở 2) chưa triển khai các thủ tục đầu tư, năm 2022 đã bố trí 60 tỷ đồng nhưng tỷ lệ giải ngân thấp, vì vậy theo nhu cầu của chủ đầu tư đề nghị bố trí năm 2022 và 2023 với số tiền 90 tỷ đồng (khoảng 31%).

- Các dự án chuyển tiếp (khởi công 2022, hoàn thành 2024) gồm dự án Đầu tư xây dựng công trình cấp điện lưới cho các xã Tân Trạch, Thượng Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình và Kè biển xã Cảnh Dương theo đề xuất của chủ đầu tư đề nghị bố trí đến năm 2023 trên 90% để đẩy nhanh tiến độ sớm đưa dự án vào hoạt động phục vụ các xã miền núi và đảm bảo an toàn cho các xã vùng ven biển.

PHỤ LỤC 01: CƠ CẤU NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH QUẢN LÝ

(Kèm theo Tờ trình số 227/TTr-UBND ngày 29/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Phương án phân bổ	Kế hoạch năm 2023	Ghi chú
	Tổng nguồn	3.661.915	
I	Vốn do tỉnh phân bổ	1.716.225	
1	Vốn tập trung trong nước	287.175	
2	Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất	925.000	
3	Nguồn Xổ số kiến thiết	55.000	
4	Chi từ nguồn thu phí sử dụng kết cấu hạ tầng khu vực cửa khẩu	24.050	
5	Nguồn vượt thu sử dụng đất năm 2022	425.000	
II	Vốn do huyện, thị xã, thành phố phân bổ	1.945.690	
1	Vốn tập trung trong nước	191.450	
-	Thành phố Đồng Hới	22.099	
-	Huyện Minh Hóa	23.714	
-	Huyện Tuyên Hóa	21.676	
-	Huyện Quảng Trạch	21.299	
-	Thị xã Ba Đồn	21.337	
-	Huyện Bố Trạch	31.218	
-	Huyện Quảng Ninh	20.680	
-	Huyện Lệ Thủy	29.427	
2	Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất	1.754.240	

Đu

mu

-	<i>Thành phố Đồng Hới</i>	460.805	
-	<i>Huyện Minh Hóa</i>	4.055	
-	<i>Huyện Tuyên Hóa</i>	31.850	
-	<i>Huyện Quảng Trạch</i>	204.600	
-	<i>Thị xã Ba Đồn</i>	203.600	
-	<i>Huyện Bố Trạch</i>	256.870	
-	<i>Huyện Quảng Ninh</i>	374.200	
-	<i>Huyện Lệ Thủy</i>	218.260	

du

du

**PHỤ LỤC 02: PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023
NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH QUẢN LÝ**

(Kèm theo Tờ trình số 2276/TTr-UBND ngày 29/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Phương án phân bổ	Kế hoạch năm 2023	Ghi chú
A	TỔNG VỐN DO TỈNH PHÂN BỐ	1.716.225	
I	Phân bổ theo thứ tự ưu tiên	267.220	
1	Bố trí các công trình hoàn thành quyết toán và trả nợ XDCB	55.000	Phân bổ chi tiết sau
2	Vốn đối ứng các dự án ODA	53.720	Phụ lục 3
3	Chuẩn bị đầu tư và Quy hoạch	10.000	Phân bổ chi tiết sau
4	Hỗ trợ DN theo các chính sách ưu đãi của tỉnh và hỗ trợ các dự án PPP; Hỗ trợ cho các DN cung cấp hàng hóa, dịch vụ công ích (bao gồm bổ sung vốn điều lệ cho Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Quảng Bình)	21.000	
5	Đối ứng 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 và nguồn vốn thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh	47.500	Phân bổ chi tiết sau
5.1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Bình	25.000	
5.2	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Bình	12.500	
5.3	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	10.000	
6	Hỗ trợ xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở	40.000	Phụ lục 4
7	Đầu tư khắc phục, thích ứng các khu vực ngập lụt	40.000	Phân bổ chi tiết sau
II	Phân bổ cho các công trình chuyển tiếp, trọng điểm, khởi công mới	1.449.005	
1	Bố trí các dự án hoàn thành, chuyển tiếp	471.450	Phụ lục 5
2	Bố trí các công trình trọng điểm, có tính liên kết vùng	214.950	Phụ lục 6
3	Bố trí các dự án khởi công mới năm 2023	762.605	Phụ lục 7
B	TỔNG VỐN DO HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ PHÂN BỐ	1.945.690	

PHỤ LỤC 3: ĐỐI ỨNG CÁC DỰ ÁN ODA

(Kèm theo Tờ trình số 237/Tr-UBND ngày 29/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Dự kiến Kế hoạch năm 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2022		Kế hoạch năm 2022	Kế hoạch năm 2023
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh					
	TỔNG SỐ							460.764	374.670	374.670	104.995	53.720
I	Đối ứng các dự án ODA							330.764	374.670	374.670	74.995	33.720
1	Dự án Phát triển môi trường, hạ tầng đô thị để ứng phó với biến đổi khí hậu thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	2017	2022	221/QĐ-UBND ngày 28/1/2015; 2681/QĐ-UBND ngày 29/9/2015; 3473/QĐ-UBND ngày 02/10/2017	176.748	176.748	93.748	150.856	150.856	20.982	9.000
2	Dự án môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Đồng Hới (WB)	Đồng Hới	2017	2022	3520/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	177.769	96.413	48.413	77.413	77.413	5.207	3.300
3	Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình (ADB)	Quảng Bình	2018	2023	1769/QĐ-UBND ngày 30/5/2018	259.650	118.030	57.030	99.020	99.020	19.010	5.000
4	Dự án hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Quảng Bình	Quảng Bình	2018	2023	548/QĐ-TTg ngày 21/4/2017 1757/QĐ-UBND ngày 19/5/2017 3479/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	31.330	31.330	28.530	10.619	10.619	6.910	14.120
5	Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng Mé Công mở rộng - giai đoạn 2, Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình	Quảng Bình	2019	2023	3590/QĐ-UBND ngày 25/10/2018; 1142/QĐ-UBND ngày 14/4/2020	40.699	40.699	34.823	22.075	22.075	8.199	2.000
6	Dự án cấp nước sinh hoạt huyện Quảng Trạch giai đoạn 2	Ba Đồn, Quảng Trạch	2020	2024	1842/QĐ-TTg ngày 18/11/2020	54.190	54.190	54.190	8.177	8.177	8.177	100

PHỤ LỤC 3: ĐỐI ỨNG CÁC DỰ ÁN ODA

(Kèm theo Tờ trình số **127**/TT-UBND ngày **27/11**/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Dự kiến Kế hoạch năm 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2022		Kế hoạch năm 2022	Kế hoạch năm 2023
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh					
7	Dự án cải thiện thu nhập bền vững và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vì cộng đồng nông thôn hòa bình tỉnh Quảng Bình	Toàn tỉnh	2021	2025	617/TTg-QHQT ngày 12/5/2021	14.030	14.030	14.030	6.510	6.510	6.510	200
II	Dự phòng vốn đối ứng ODA							130.000			30.000	20.000

Đu *đ*

PHỤ LỤC 4: PHÂN BỐ CHI TIẾT TRUNG HẠN VÀ KẾ HOẠCH 2023 NGUỒN VỐN HỖ TRỢ XÂY MỚI; CẢI TẠO, SỬA CHỮA NHÀ VĂN HÓA-KHU THỂ THAO THÔN, BẢN, TỔ ĐÀN PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH NĂM 2023

(Kèm theo Tờ trình số 2276/TTr-UBND ngày 29 / 4 /2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Huyện, thị xã, thành phố	Tổng giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2023	Ghi chú
1	Minh Hóa	16.010	8.005	Giao HĐND các huyện, thị xã, thành phố phân bổ chi tiết
2	Tuyên Hóa	4.685	2.343	
3	Quảng Trạch	5.705	2.853	
4	Ba Đồn	5.255	2.628	
5	Bố Trạch	27.175	13.588	
6	Đông Hới	5.730	2.865	
7	Quảng Ninh	5.400	2.700	
8	Lệ Thủy	10.040	5.020	
	Tổng cộng:	80.000	40.000	

Đinh Đức

PHỤ LỤC 5: CÁC DỰ ÁN HOÀN THÀNH, CHUYÊN TIẾP

(Kèm theo Tờ trình số 22/TTr-UBND ngày 19/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2022		KH năm 2023
					QĐ chủ trương đầu tư	TMDT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				
	TỔNG CỘNG					1.021.883	1.005.883	955.450	381.593	381.593	471.450
A	LĨNH VỰC KINH TẾ					457.000	441.000	413.080	179.243	179.243	185.450
I	NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN					92.000	92.000	89.240	30.600	30.600	44.900
1	Đường tuần tra bảo vệ rừng kết hợp du lịch sinh thái Khe nước Trong thuộc khu DTTN Đông Châu-Khe nước Trong	Lệ Thủy	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 1528/QĐ-UBND ngày 8/6/2022	12.000	12.000	11.640	5.600	5.600	5.400
2	Xây dựng bản đồ ngập lụt và phần mềm cảnh báo lũ phục vụ công tác Phòng chống thiên tai cho 03 lưu vực sông lớn trên địa bàn tỉnh Quảng Bình	Toàn tỉnh	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 2459/QĐ-UBND ngày 13/09/2022	10.000	10.000	9.700	3.000	3.000	4.000
3	Cấp nước sinh hoạt cụm xã phía Tây huyện Lệ Thủy (giai đoạn 1)	Lệ Thủy	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 2246/QĐ-UBND ngày 18/08/2022	37.000	37.000	35.890	11.100	11.100	22.000
4	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống các tuyến kênh chính thuộc Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Quảng Bình quản lý	Toàn tỉnh	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 1942/QĐ-UBND ngày 14/7/2022	20.000	20.000	19.400	6.000	6.000	8.500
5	Sửa chữa, nâng cấp đường cứu hộ, cứu nạn hồ chứa nước Rào Đá, huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 1568/QĐ-UBND ngày 10/6/2022	5.000	5.000	4.850	2.500	2.500	2.000
6	Sửa chữa nâng cấp đập A và đập B công trình Rào Sen, huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 2513/QĐ-UBND ngày 19/09/2022	8.000	8.000	7.760	2.400	2.400	3.000
II	GIAO THÔNG					52.000	52.000	50.440	17.600	17.600	25.000
1	Xây dựng cầu Đức Nghĩa (Km3+430/ĐT.570B), thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 787/QĐ-UBND ngày 28/3/2022	52.000	52.000	50.440	17.600	17.600	25.000
III	KHU KINH TẾ, KHU CÔNG NGHIỆP					117.000	117.000	98.800	60.000	60.000	24.050

Handwritten signatures and marks.

PHỤ LỤC 5: CÁC DỰ ÁN HOÀN THÀNH, CHUYÊN TIẾP

(Kèm theo Tờ trình số **2276** Tr-UBND ngày **29/11/2022** của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2022		KH năm 2023
					QĐ chủ trương đầu tư	TMDT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				
1	Hạ tầng KCN Bắc Đồng Hới (mở rộng)	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 57/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 1170/QĐ-UBND ngày 09/05/2022	60.000	60.000	60.000	33.000	33.000	18.500
2	Dự án Đầu tư xây dựng các trục đường giao thông KCN Tây Bắc Quán Hâu	Quảng Ninh	2017	2024	3207/QĐ-UBND ngày 14/10/2016; 861/QĐ-UBND ngày 23/03/2021 ; 1171/QĐ-UBND ngày 9/5/2022	57.000	57.000	38800	27000	27000	5.550
IV	CÔNG NGHIỆP					25.000	25.000	24.250	7.500	7.500	9.000
1	Hoàn thiện hạ tầng Cụm công nghiệp Thuận Đức, thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 2551/QĐ-UBND ngày 21/09/2022	25.000	25.000	24.250	7.500	7.500	9.000
V	DU LỊCH					75.000	75.000	72.750	35.500	35.500	34.500
1	Đường từ nhánh Đông đường Hồ Chí Minh vào Khu du lịch sinh thái Trầm Méc (gd2)	Bồ Trạch	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 56/QĐ-UBND ngày 11/01/2022	20.000	20.000	19.400	7.500	7.500	10.500
2	Xây dựng mới các Trạm và Chốt Kiểm lâm (Trạm Kiểm lâm Thượng Hóa, Trạm Kiểm lâm Khe Gát, Chốt Kiểm lâm Cây Ngá, Chốt Kiểm lâm 39, Chốt Kiểm lâm và Điểm dừng chân Trạ Ang)	Bồ Trạch, Minh Hóa	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 998/QĐ-UBND ngày 18/4/2022	25.000	25.000	24.250	11.500	11.500	12.000
3	Đường phòng cháy, chữa cháy kết hợp tuần tra bảo vệ rừng và du lịch sinh thái từ Km3 đường Hồ Chí Minh nhánh Tây đến sân bay Khe Gát	Bồ Trạch	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 449/QĐ-UBND ngày 18/2/2022	30.000	30.000	29.100	16.500	16.500	12.000
VI	CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TẠI ĐÔ THỊ					71.000	55.000	53.350	20.543	20.543	32.000

[Handwritten signatures]

PHỤ LỤC 5: CÁC DỰ ÁN HOÀN THÀNH, CHUYÊN TIẾP

(Kèm theo Tờ trình số 2276/TT-UBND ngày 29/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2022		KH năm 2023
					QĐ chủ trương đầu tư	TMDT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				
1	Nâng cấp, cải tạo hệ thống công viên, cây xanh trên địa bàn thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 1257/QĐ-UBND ngày 19/5/2022	35.000	35.000	33.950	10.500	10.500	23.000
2	Chỉnh trang đô thị đoạn tuyến Quốc lộ 1 thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2022	2024	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 1972/QĐ-UBND ngày 19/07/2022	36.000	20.000	19.400	10.043	10.043	9.000
VII	TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG					25.000	25.000	24.250	7.500	7.500	16.000
1	Xử lý ô nhiễm môi trường các điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại một số xã trên địa bàn huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình	Quảng Ninh	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 3132/QĐ-UBND ngày 15/11/2022	25.000	25.000	24.250	7.500	7.500	16.000
B	LĨNH VỰC VĂN HÓA XÃ HỘI					273.883	273.883		116.650	116.650	137.600
I	KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH					50.000	50.000	48.500	15.400	15.400	29.200
1	Đầu tư xây dựng khu thực nghiệm nông nghiệp thông minh - Nông nghiệp 4.0 tại Trung tâm Ứng dụng và Thống kê Khoa học và Công nghệ Quảng Bình	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 1811/QĐ-UBND ngày 01/07/2022	10.000	10.000	9.700	3.000	3.000	5.000
2	Đầu tư bổ sung thiết bị kiểm tra, kiểm định, hiệu chuẩn đo lường	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 991/QĐ-UBND ngày 18/4/2022	8.000	8.000	7.760	2.400	2.400	4.000
3	Đầu tư mua sắm thiết bị kỹ thuật chuẩn HD cho hệ thống mạng sản xuất chương trình và nâng cao năng lực quản lý của Đài PT&TH Quảng Bình	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 2241/QĐ-UBND ngày 18/08/2022	25.000	25.000	24.250	7.500	7.500	16.000

Handwritten signatures and initials.

PHỤ LỤC 5: CÁC DỰ ÁN HOÀN THÀNH, CHUYÊN TIẾP

(Kèm theo Tờ trình số **2276**/TTr-UBND ngày **19/11**/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2022		KH năm 2023
					QĐ chủ trương đầu tư	TMĐT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				
4	Cải tạo, nâng cấp trụ sở Sở Khoa học công nghệ	Đồng Hới	2022	2023	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 2936/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	7.000	7.000	6.790	2.500	2.500	4.200
II	VĂN HÓA, THỂ DỤC THỂ THAO, XÃ HỘI					81.000	81.000	78.570	24.300	24.300	48.500
1	Tuyến đường dạo, cây xanh, điện chiếu sáng, hệ thống nước thải vòng ngoài Hồ Thành Đồng Hới	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 2159/QĐ-UBND ngày 10/8/2022	20.000	20.000	19.400	6.000	6.000	13.000
2	Cải tạo nâng cấp các hạng mục trong khuôn viên Khu lăng mộ Lê Thành Hâu Thượng Đẳng Thân Nguyễn Hữu Cảnh	Lệ Thủy	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 3167/QĐ-UBND ngày 17/11/2022	15.000	15.000	14.550	4.500	4.500	9.000
3	Trung tâm chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần tỉnh Quảng Bình (giai đoạn 3)	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 550/QĐ-UBND ngày 01/03/2022	23.000	23.000	22.310	6.900	6.900	15.000
4	Tôn tạo, nâng cấp khu di tích lịch sử thanh niên xung phong Xuân Sơn	Bồ Trạch	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 2134/QĐ-UBND ngày 9/8/2022	15.000	15.000	14.550	4.500	4.500	9.500
5	Cải tạo, sửa chữa nhà thiếu nhi Quảng Bình	Đồng Hới	2023	2025	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; .../NQ-HĐND ngày tháng 12/2022	8.000	8.000	7.760	2.400	2.400	2.000
III	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN					16.000	16.000	15.520	6.450	6.450	8.600
1	Nâng cấp, phát triển mạng diện rộng của tỉnh; xây dựng hệ thống giám sát an toàn thông tin mạng và phòng chống mã độc tập trung	Toàn tỉnh	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 2558/QĐ-UBND ngày 22/9/2022	7.000	7.000	6.790	2.100	2.100	4.500

Handwritten signatures

PHỤ LỤC 5: CÁC DỰ ÁN HOÀN THÀNH, CHUYÊN TIẾP

(Kèm theo Tờ trình số 2276 TT-UBND ngày 29/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2022		KH năm 2023
					QĐ chủ trương đầu tư	TMDT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tính	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tính				
2	Xây dựng hệ thống hạ tầng cơ sở dữ liệu quản lý không gian (SDI) quản lý quy hoạch xây dựng	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 2627/QĐ-UBND ngày 27/9/2022	4.500	4.500	4.365	1.350	1.350	2.800
3	Nâng cấp, triển khai, nhân rộng phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Quảng Bình	Toàn tỉnh	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 2133/QĐ-UBND ngày 09/08/2022	4.500	4.500	4.365	3.000	3.000	1.300
IV	GIÁO DỤC ĐÀO TẠO (Thuộc nhiệm chi vụ cấp tỉnh)					126.883	126.883	123.190	70.500	70.500	49.400
1	Nhà nội trú giáo viên 2 tầng 20 phòng và hạ tầng kỹ thuật Trường THCS&THPT Bắc Sơn	Tuyên Hóa	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 1369/QĐ-UBND ngày 27/05/2022	9.000	9.000	8.730	4.500	4.500	4.000
2	Nhà lớp học, nhà hiệu bộ và hạ tầng kỹ thuật Trường THPT Trần Hưng Đạo	Lệ Thủy	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 1960/QĐ-UBND ngày 18/07/2022	7.477	7.477	7.275	3.750	3.750	3.000
3	Nhà Lớp học bộ môn 3 tầng 9 phòng Trường THPT Lương Thế Vinh	Ba Đồn	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 4291/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	8.500	8.500	8.245	4.550	4.550	3.600
4	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường THPT Phan Bội Châu	Tuyên Hóa	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 1467/QĐ-UBND ngày 06/06/2022	6.926	6.926	6.790	6.600	6.600	190
5	Dãy nhà 3 tầng 18 phòng học Trường THPT Quang Trung	Quảng Trạch	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 4290/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	12.000	12.000	11.640	8.600	8.600	2.500
6	Nhà đa năng và hạ tầng kỹ thuật Trường THPT Nguyễn Hữu Cảnh	Quảng Ninh	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 1757/QĐ-UBND ngày 28/06/2022	8.000	8.000	7.760	2.400	2.400	5.300
7	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng học Trường THPT Lê Trực	Tuyên Hóa	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 4289/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	7.000	7.000	6.790	5.100	5.100	1.600

[Handwritten signatures]

PHỤ LỤC 5: CÁC DỰ ÁN HOÀN THÀNH, CHUYÊN TIẾP

(Kèm theo Tờ trình số ~~276~~ /TTr-UBND ngày ~~29/4~~/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2022		KH năm 2023
					QĐ chủ trương đầu tư	TMĐT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tính	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tính				
8	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng Trường THCS và THPT Dương Văn An	Lệ Thủy	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 4294/QĐ-UBND ngày 24/12/2022	8.000	8.000	7.760	7.700	7.700	60
9	Nhà lớp học bộ môn 8 phòng Trường THCS&THPT Trung Hóa	Minh Hóa	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 4302/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	7.500	7.500	7.275	3.750	3.750	3.200
10	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng trường THPT Nguyễn Trãi	Bố Trạch	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 2315/QĐ-UBND ngày 25/08/2022	8.000	8.000	7.760	3.900	3.900	3.800
11	Ký túc xá học sinh Trường THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 1651/QĐ-UBND ngày 20/06/2022	14.980	14.980	14.550	4.500	4.500	9.000
12	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng và công trình phụ trợ Trường THPT Nguyễn Chí Thanh	Lệ Thủy	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 1522/QĐ-UBND ngày 08/06/2022	8.500	8.500	8.245	2.550	2.550	5.600
13	Cải tạo khu Ký túc xá học sinh trường PTDTNT tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 4482/QĐ-UBND ngày 28/12/2021	5.000	5.000	4.850	4.800	4.800	50
14	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng Trường THPT Hùng Vương	Bố Trạch	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 2316/QĐ-UBND ngày 25/08/2022	8.000	8.000	7.760	3.900	3.900	3.800
15	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng Trường THPT Ngô Quyền	Bố Trạch	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 1707/QĐ-UBND ngày 22/06/2022	8.000	8.000	7.760	3.900	3.900	3.700
V	Lĩnh vực Y tế					3.000	3.000	2.910	1.000	1.000	1.900
1	Cải tạo, nâng cấp trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2022	2023	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 2492/QĐ-UBND ngày 15/9/2022	3.000	3.000	2.910	1.000	1.000	1.900

Handwritten signatures and marks.

PHỤ LỤC 5: CÁC DỰ ÁN HOÀN THÀNH, CHUYÊN TIẾP

(Kèm theo Tờ trình số 2276/TT-UBND ngày 19/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2022		KH năm 2023
					QĐ chủ trương đầu tư	TMĐT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tính	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tính				
C	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC							120.210	30.400	30.400	77.400
1	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các cơ quan Đảng tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025	Toàn tỉnh	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 2598/QĐ-UBND ngày 27/9/2022	20.000	20.000	19.400	6.000	6.000	10.500
2	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc UBND tỉnh	Đồng Hới	2023	2025	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 57/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	30.000	30.000	30.000	2.500	2.500	24.000
3	Nâng cấp cơ sở vật chất và đầu tư hệ thống công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của HĐND tỉnh	Đồng Hới	2023	2025	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021' .../NQ-HĐND ngày tháng 12/2022	25.000	25.000	24.250	1.000	1.000	18.000
4	Cải tạo trụ sở làm việc và khuôn viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 2201/QĐ-UBND ngày 12/08/2022	12.000	12.000	11.640	3.600	3.600	8.000
5	Nâng cấp, sửa chữa một số hạng mục Trung tâm giáo dục dạy nghề và hỗ trợ Nông dân -Phụ nữ Quảng Bình	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 1746/QĐ-UBND ngày 27/06/2022	7.000	7.000	6.790	3.600	3.600	3.100
6	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Ban Dân tộc và nâng cấp hệ thống dữ liệu công tác dân tộc	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 2112/QĐ-UBND ngày 03/08/2022	8.000	8.000	7.760	2.400	2.400	5.300
7	Điểm trưng bày, giới thiệu sản phẩm và kết nối, hỗ trợ phụ nữ sáng tạo khởi nghiệp	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 2320/QĐ-UBND ngày 26/08/2022	6.000	6.000	5.820	1.800	1.800	3.500
8	Cải tạo trụ sở làm việc Liên đoàn Lao động tỉnh Quảng Bình và các đơn vị trực thuộc	TP Đồng Hới và các huyện	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 2172/QĐ-UBND ngày 11/08/2022	5.000	5.000	4.850	1.500	1.500	3.300

[Handwritten signatures]

PHỤ LỤC 5: CÁC DỰ ÁN HOÀN THÀNH, CHUYÊN TIẾP

(Kèm theo Tờ trình số **22**/TTr-UBND ngày **29**/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2022		KH năm 2023
					QĐ chủ trương đầu tư	TMDT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				
9	Sửa chữa, mở rộng trụ sở Đảng ủy Khối Doanh nghiệp	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 4295/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	10.000	10.000	9.700	8.000	8.000	1.700
D	LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG-AN NINH					165.000	165.000	153.470	54.300	54.300	71.000
1	Đầu tư xây dựng Trung tâm một cửa liên thông Công an tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 1283/QĐ-UBND ngày 23/05/2022	28.000	28.000	27.160	11.400	11.400	12.000
2	Đầu tư xây dựng 22 trụ sở công an xã thuộc Công an tỉnh Quảng Bình (giai đoạn 1)	Đồng Hới	2023	2025	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 57/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 .../NQ-HĐND ngày tháng 12/2022	22.000	22.000	21.340	6.600	6.600	3.000
3	Đường từ Km56, đường tỉnh 562 vào đến bản Nông cũ và bản Nông mới xã Thượng Trạch, huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 1449/QĐ-UBND ngày 03/06/2022	25.000	25.000	24.250	7.500	7.500	15.000
4	Nâng cấp tuyến đường từ đường tránh Quốc lộ 1A đến Đồn Biên phòng Ngự Thủy và đến xã Ngự Thủy, huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 57/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 1798/QĐ-UBND ngày 30/06/2022	25.000	25.000	24.250	7.500	7.500	15.000
5	Đường tuần tra và các hạng mục phụ trợ khu quân sự	Lệ Thủy	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 57/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	16.000	16.000	15.520	4.800	4.800	7.700
6	Doanh trại Trung đội công binh và đội 589/Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 57/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	15.000	15.000	14.550	4.500	4.500	7.500
7	Đường giao liên trong khu căn cứ hậu phương tỉnh Quảng Bình	Bố Trạch	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 3226/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	20.000	20.000	19.400	6.000	6.000	10.000

PHỤ LỤC 5: CÁC DỰ ÁN HOÀN THÀNH, CHUYỂN TIẾP

(Kèm theo Tờ trình số **226**/TT-UBND ngày **29/11/2022** của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Dan h mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2022		KH năm 2023
					QĐ chủ trương đầu tư	TMĐT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tính	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tính				
8	Nâng cấp tuyến đường từ Km 51, đường tỉnh 562 vào đến UBND xã Thượng Trạch	Bố Trạch	2021	2023	157/NQ-HĐND ngày 9/12/2020	14.000	14.000	7.000	6000	6000	800

duu *duu*

PHỤ LỤC 6: CÁC CÔNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM, CÓ TÍNH LIÊN KẾT VÙNG

(Kèm theo Tờ trình số ~~276~~ TTr-UBND ngày ~~29/4~~ 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2022		KH 2023
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh				
TỔNG SỐ						3.957.000	1.260.000	1.246.200	1.508.696	487.196	214.950
1	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quảng Bình (cơ sở 2)	Ba Đồn	2022	2025	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	300.000	300.000	291.000	60.000	60.000	30.000
2	Đầu tư xây dựng công trình cấp điện lưới cho các xã Tân Trạch, Thượng Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình	Bố Trạch	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 1872/QĐ-UBND ngày 7/7/2022	110.000	110.000	106.700	33.000	33.000	67.950
3	Kè biển xã Cảnh Dương	Quảng Trạch	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 1466/QĐ-UBND ngày 06/06/2022	50.000	50.000	48.500	15.600	15.600	32.000
4	Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3 tỉnh Quảng Bình	Toàn tỉnh	2021	2026	160/NQ-HĐND ngày 09/12/2020; 27/NQ-HĐND ngày 29/10/2021;	3.497.000	800.000	800.000	1.400.096	378.596	85.000

Handwritten signatures and marks.

PHỤ LỤC 7: CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2023

(Kèm theo Tờ trình số 2276/TTTr-UBND ngày 29/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2022		KH năm 2023
					QĐ chủ trương đầu tư	TMDT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tính	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tính				
	TỔNG CỘNG					2.407.175	2.227.175	2.160.660	80.540	80.540	762.605
A	LĨNH VỰC KINH TẾ					1.536.075	1.506.075	1.461.180	63.130	63.130	521.505
I	THỦY LỢI, NƯỚC SẠCH					194.000	194.000	188.190	11.550	11.550	68.000
1	Xây dựng hệ thống kênh mương và hệ thống đập tràn hồ chứa nước Tróc Trâu (Giai đoạn 2)	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	28.000	28.000	27.160	3.000	3.000	10.000
2	Kè chống sạt lở đồi núi Thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa (giai đoạn 1)	Minh Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	17.500	17.500	~ 16.980	1.200	~ 1.200	6.000
3	Xây dựng Kè biển Hải Trạch, xã Hải Phú	Bồ Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	20.000	20.000	19.400	600	600	6.700
4	Xây dựng kè chống sạt lở các xã Hiền Ninh, Trường Xuân	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	18.000	18.000	17.460	1.200	1.200	6.200
5	Xây dựng Hồ Khe Luốc và Kè Tam Hương, huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	15.000	15.000	14.550	850	850	5.200
6	Xây dựng, nạo vét và gia cố kênh thoát lũ từ cầu Mệ Sói đến thôn Rẫy Cau (Đoạn từ Cầu Rẫy Cau đến đường Nguyễn Đóa)	Đồng Hới	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	15.000	15.000	14.550	200	200	5.200
7	Tuyển mương thoát lũ, đường và kè khu vực Đồng Láng xã Hải Phú, huyện Bồ Trạch	Bồ Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	15.000	15.000	14.550	300	300	5.200
8	Nâng cấp, mở rộng công trình nước sạch nông thôn	các huyện	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	23.000	23.000	22.310	700	700	8.000

Handwritten signatures

PHỤ LỤC 7: CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2023

(Kèm theo Tờ trình số ~~236~~ TT-Tr-UBND ngày ~~29/4~~/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2022		KH năm 2023
					QĐ chủ trương đầu tư	TMDT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tính	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tính				
9	Kè chống sạt lở bờ suối xã Hòa Sơn, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	17.500	17.500	16.980	1.300	1.300	6.000
10	Xây dựng Kênh tưới Nguyệt Áng - Thê Lộc - Tân Thành, xã Tân Ninh, huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 2988/QĐ-UBND ngày 01/11/2022	10.000	10.000	9.700	1.000	1.000	4.200
11	Kè chống sạt lở bờ suối tại thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	15.000	15.000	14.550	1.200	1.200	5.300
II	GIAO THÔNG					1.074.000	1.064.000	1.032.350	41.030	41.030	369.405
1	Nâng cấp tuyến Đường tỉnh 562	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 .../NQ-HĐND ngày tháng 12/2022	120.000	120.000	116.400	800	800	40.000
2	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường hai đầu cầu Cồn Năm xã Quảng Minh, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	20.000	20.000	19.400	420	420	7.000
3	Đường giao thông từ thị trấn Đồng Lê đi xã Thuận Hóa, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	20.000	20.000	19.400	1.000	1.000	7.000
4	Đầu tư xây dựng đường nối từ trục N2 đi các xã phía Bắc và kết nối với trục B2 trước nhà máy may, huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	40.000	40.000	38.800	3.510	3.510	14.000
5	Tuyến đường từ ngã tư trung tâm thị trấn Quy Đạt đi tổ dân phố 2, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	22.000	22.000	21.340	900	900	7.500
6	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã Hàm Ninh, Võ Ninh, Duy Ninh	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	28.000	28.000	27.160	1.500	1.500	9.500
7	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã Sơn Thủy, Hoa Thủy, Thị trấn Nông trường Lệ Ninh	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	34.000	34.000	32.980	1.800	1.800	12.000

Handwritten signatures and marks.

PHỤ LỤC 7: CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2023

(Kèm theo Tờ trình số 2276/TTr-UBND ngày 29/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2022		KH năm 2023
					QĐ chủ trương đầu tư	TMDT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				
8	Cầu thôn Ba Đa, xã Nghĩa Ninh, thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 2951/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	28.000	28.000	27.160	500	500	10.000
9	Hoàn thiện các tuyến đường giao thông nội thị tại thị trấn Hoàn Lão, huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	40.000	40.000	38.800	800	800	13.500
10	Đầu tư xây dựng đường Triệu Quang Phục, Phường Bắc Nghĩa.	Đồng Hới	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 2363/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	30.000	30.000	29.100	500	500	15.000
11	Đường Nguyễn Hữu Cảnh nối dài, đoạn từ ngã tư Võ Nguyên Giáp đi quốc lộ 1A, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	27.000	27.000	26.190	470	470	9.500
12	Đầu tư xây dựng hạ tầng tuyến đường từ chợ Quảng Lưu đi Trung tâm xã Quảng Thạch kết nối tỉnh lộ 22	Quảng Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3036/QĐ-UBND ngày 7/11/2022	28.000	28.000	27.160	1.540	1.540	10.000
13	Xây dựng các tuyến đường xã Mai Hóa, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 2454/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	15.000	15.000	14.550	540	540	6.105
14	Tuyến đường nối đường Hai Bà Trưng đến trường Mầm non số 1 thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	20.000	20.000	19.400	800	800	7.000
15	Tuyến đường liên xã Hải Phú đi Sơn Lộc (đoạn từ Sơn Lộc đi ngã ba Thọ Lộc)	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	19.000	19.000	18.430	500	500	6.500
16	Tuyến đường kết nối trung tâm Thị xã Ba Đồn đi trung tâm huyện Quảng Trạch	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 2346/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	27.000	27.000	26.190	450	450	10.000
17	Đầu tư xây dựng các tuyến đường xã Quảng Châu, huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	16.000	16.000	15.520	980	980	5.500

Handwritten signatures and initials.

PHỤ LỤC 7: CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2023

(Kèm theo Tờ trình số ~~2276~~ TTTr-UBND ngày ~~29~~ 11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2022		KH năm 2023
					QĐ chủ trương đầu tư	TMDT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				
18	Xây dựng tuyến đường giao thông từ xã Phúc Trạch đi các xã Lâm Trạch và Liên Trạch, huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	15.000	15.000	14.550	400	400	5.000
19	Đầu tư xây dựng đường giao thông liên xã Lê Hóa - Kim Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	30.000	30.000	29.100	1.200	1.200	10.000
20	Tuyến đường giao thông xã Hóa Thanh, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	15.000	15.000	14.550	700	700	5.000
21	Đường giao thông liên xã từ Hoàn Lão đi Tây Trạch	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	20.000	20.000	19.400	400	400	7.000
22	Đường liên xã Quảng Tiên đi Quảng Trung, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	15.000	15.000	14.550	500	500	5.100
23	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã Trường Thủy, Thái Thủy và Dương Thủy	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	30.000	30.000	29.100	1.150	1.150	10.000
24	Đầu tư xây dựng các tuyến đường tại xã Quảng Lưu và xã Quảng Hợp, huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	15.000	15.000	14.550	650	650	5.100
25	Đầu tư các tuyến đường trên địa bàn xã Phong Hóa và Hương Hóa, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	24.000	24.000	23.280	1.150	1.150	8.200
26	Xây dựng đường liên xã Dinh Mười đi Tân Định	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	15.000	15.000	14.550	1.000	1.000	5.000
27	Đường nối từ Trung tâm giáo dục dạy nghề đi thị trấn Đồng Lê, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	20.000	20.000	19.400	880	880	7.000
28	Cầu vượt lư Tân Lý, xã Minh Hóa, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022/NQ-HĐND số ngày /12/2022	29.000	29.000	28.400	900	900	7.000

PHỤ LỤC 7: CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2023

(Kèm theo Tờ trình số 2276/TTTr-UBND ngày 29/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2022		KH năm 2023
					QĐ chủ trương đầu tư	TMDT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				
29	Tuyến đường từ Trung tâm xã Tây Trạch đi đường Hồ Chí Minh, huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	15.000	15.000	14.550	400	400	5.100
30	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ trung tâm huyện đi các xã phía Đông Bắc huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	25.000	15.000	14.550	3.930	3.930	5.100
31	Đầu tư xây dựng đường từ phường Quảng Thọ đến Trạm biên phòng Cảng Gianh phường Quảng Phúc	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	37.000	37.000	35.890	600	600	12.000
32	Xây dựng tuyến đường từ cầu Hói Cửa, xã An Thủy đi phía tây huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 2591/QĐ-UBND ngày 26/9/2022	17.000	17.000	16.490	590	590	6.000
33	Tuyến đường giao thông đường Võ Thị Sáu, Phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 2870/QĐ-UBND ngày 24/10/2022	15.000	15.000	14.550	400	400	6.500
34	Đầu tư xây dựng các tuyến đường xã Quảng Xuân, huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3225/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	22.000	22.000	21.340	1.370	1.370	7.500
35	Xây dựng các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã Cao Quảng, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	15.000	15.000	14.550	820	820	5.100
36	Đầu tư xây dựng tuyến đường xã Yên Hóa	Minh Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	22.000	22.000	21.340	1.000	1.000	7.500
37	Xây dựng tuyến đường 30 nối QL1A với đường về nhà lưu niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	28.000	28.000	27.160	950	950	9.500
39	Xây dựng tuyến đường cứu hộ, cứu nạn các xã phía nam huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	15.000	15.000	14.550	450	450	6.000
40	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã An Ninh, Vạn Ninh, Tân Ninh, Xuân Ninh	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3268/QĐ-UBND ngày 24/11/2022	23.000	23.000	22.310	1.500	1.500	8.000

PHỤ LỤC 7: CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2023

(Kèm theo Tờ trình số ~~236~~ TTTr-UBND ngày ~~29~~ 11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2022		KH năm 2023
					QĐ chủ trương đầu tư	TMĐT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				
41	Xây dựng tuyến đường giao thông kết nối Đường Hồ Chí Minh vào trung tâm Thị trấn Nông Trường Việt Trung	Bồ Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	15.000	15.000	14.550	300	300	5.200
42	Đường nối từ Hà Nam vào Trung tâm xã Thạch Hóa, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3293/QĐ-UBND n ngày 28/11/2022	15.000	15.000	14.550	580	580	5.200
43	Tuyến đường từ cầu Ngâm Rinh - Thanh Liêm, xã Trung Hóa, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 3286/QĐ-UBND ngày 25/11/2022	15.000	15.000	14.550	700	700	5.200
44	Xây dựng Cầu và đường hai đầu cầu Trường Sơn thuộc tuyến đường Trường Xuân - Trường Sơn	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3189/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	33.000	33.000	32.010	1.500	1.500	11.000
III	HẠ TẦNG KỸ THUẬT					188.575	188.575	182.920	8.250	8.250	63.800
1	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật từ thị trấn Đồng Lê đi xã Sơn Hóa, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3019/QĐ-UBND ngày 3/11/2022	25.000	25.000	24.250	1.100	1.100	8.500
2	Hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thoát nước thải tại trung tâm huyện lỵ mới huyện Quảng Trạch (giai đoạn 1)	Quảng Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	28.000	28.000	27.160	2.500	2.500	9.500
3	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng trên địa bàn huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	10.000	10.000	9.700	450	450	3.500
4	Hệ thống trang trí đèn LED dọc sông Nhật Lệ (Đoạn từ thôn Mỹ Cảnh đến thôn Hà Thôn, xã Bảo Ninh)	Đồng Hới	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	15.000	15.000	14.550	200	200	5.200
5	Xây dựng khu tái định cư di dời các hộ dân bị ảnh hưởng bởi nhà máy xi măng Áng Sơn, xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	9.000	9.000	8.730	1.000	1.000	3.100
6	Chỉnh trang đô thị đường Trương Pháp	Đồng Hới	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	36.575	36.575	35.480	500	500	12.000

PHỤ LỤC 7: CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2023

(Kèm theo Tờ trình số 227/TTr-UBND ngày 19/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2022		KH năm 2023
					QĐ chủ trương đầu tư	TMDT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				
7	Xây dựng hạ tầng và đường giao thông kết nối Bệnh viện Đa khoa huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	65.000	65.000	63.050	2.500	2.500	22.000
V	DU LỊCH					79.500	59.500	57.720	2.300	2.300	20.300
1	Xây dựng Trung tâm thông tin và hỗ trợ khách Du lịch tại Phong Nha Kẻ Bàng	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	12.500	12.500	12.130	500	500	4.300
2	Xây dựng Quảng trường biển, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	45.000	25.000	24.250	500	500	8.500
3	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã Lương Ninh, Vĩnh Ninh và Trường Xuân	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	22.000	22.000	21.340	1.300	1.300	7.500
B	LĨNH VỰC VĂN HÓA XÃ HỘI					767.600	617.600	599.080	13.150	13.150	206.200
I	Y TẾ					532.600	382.600	371.130	9.450	9.450	127.200
1	Xây dựng Bệnh viện Đa khoa huyện Quảng Ninh (cơ sở 2)	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	120.000	120.000	116.400	1.000	1.000	36.000
2	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh (CDC)	Đồng Hới	2023	2025	57/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	220.000	70.000	67.900			23.000
3	Xây dựng mới nhà cận lâm sàng phòng khám đa khoa Khu vực Hóa Tiến, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	6.000	6.000	5.820	300	300	2.000
4	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm và các Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2024	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	6.000	6.000	5.820	340	340	3.500
5	Đầu tư xây dựng Khu kỹ thuật và điều trị liên chuyên khoa, bệnh viện đa khoa huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	50.000	50.000	48.500	1.500	1.500	15.000
6	Đầu tư Xây dựng khuôn viên hạ tầng kỹ thuật, khu khám và điều trị phòng khám đa khoa khu vực Thanh Lạng, xã Thanh Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	6.000	6.000	5.820	300	300	2.500

PHỤ LỤC 7: CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2023

(Kèm theo Tờ trình số **2276**/TTr-UBND ngày **29/11/2022** của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2022		KH năm 2023
					QĐ chủ trương đầu tư	TMĐT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tính	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tính				
7	Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp Trung tâm và các trạm y tế thuộc trung tâm y tế huyện Tuyên hóa	Tuyên Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	22.000	22.000	21.340	1.160	1.160	7.500
8	Cải tạo, nâng cấp các Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023	2024	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	11.000	11.000	10.670	580	580	6.000
9	Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp Trung tâm và các trạm y tế thuộc trung tâm y tế thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	22.000	22.000	21.340	660	660	7.500
10	Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp các trạm y tế thuộc trung tâm y tế huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	15.500	15.500	15.040	830	830	5.500
11	Cải tạo nâng cấp Trung tâm và các Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	2023	2024	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	7.000	7.000	6.790	430	430	2.500
12	Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp Trung tâm và các trạm y tế thuộc trung tâm y tế huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	15.100	15.100	14.650	450	450	5.200
13	Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp Trung tâm và các trạm y tế thuộc trung tâm y tế huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	32.000	32.000	31.040	1.900	1.900	11.000
II	VĂN HÓA, THỂ DỤC THỂ THAO, KHOA HỌC CÔNG NGHỆ					235.000	235.000	227.950	3.700	3.700	79.000
1	Bảo tồn, tôn tạo, giữ gìn bảo vệ cảnh quan môi trường cho di tích khảo cổ Bầu Tró	Đồng Hới	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	50.000	50.000	48.500	1.500	1.500	17.000
2	Xây dựng Trung tâm thể dục thể thao huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	75.000	75.000	72.750	1.000	1.000	25.000
3	Nhà thi đấu đa năng và các công trình phụ trợ, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	75.000	75.000	72.750	500	500	25.000

Handwritten signatures and marks.

PHỤ LỤC 7: CÁC DỰ ÁN KHÔI CÔNG MỚI NĂM 2023

(Kèm theo Tờ trình số 2276/TTr-UBND ngày 19/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2022		KH năm 2023
					QĐ chủ trương đầu tư	TMDT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				
4	Sân vận động trung tâm huyện Bồ Trạch	Bồ Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	25.000	25.000	24.250	500	500	8.500
5	Đầu tư hệ thống Trung tâm chuẩn, thiết bị đo lường, thử nghiệm	Đồng Hới	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	10.000	10.000	9.700	200	200	3.500
C	LĨNH VỰC KHÁC					103.500	103.500	100.400	4.260	4.260	34.900
1	Chương trình Phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025	Toàn tỉnh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	25.000	25.000	24.250	600	600	8.000
2	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho BQL Khu DTTN Động Châu-Khe Nước Trong	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 3161/QĐ-UBND ngày 17/11/2022	20.000	20.000	19.400	900	900	7.000
3	Xây dựng khu tạm lánh, nhà ăn cho đối tượng người lang thang cơ nhỡ	Đồng Hới	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	7.000	7.000	6.790	350	350	2.500
4	Cầu kiểm soát Cửa Sông Gianh	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3282/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	15.000	15.000	14.550	500	500	5.100
5	Xây dựng phòng học bộ môn Trường THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp (Giai đoạn 2)	Đồng Hới	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	9.000	9.000	8.730	410	410	3.000
6	Xây dựng Ký túc xá sinh viên Trường Cao đẳng Y tế Quảng Bình	Đồng Hới	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	12.500	12.500	12.130	500	500	4.300
7	Xây dựng Trụ sở xã Ngư Thủy	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	15.000	15.000	14.550	1.000	1.000	5.000

Handwritten signatures and initials.

NGHỊ QUYẾT

**Về Kế hoạch đầu tư công năm 2023 tỉnh Quảng Bình
(Nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-TTg ngày /12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 71/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh của HĐND tỉnh về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách tỉnh quản lý (lần 1) và Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (lần 1) và thông qua kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (lần 2) nguồn ngân sách tỉnh quản lý;

Căn cứ Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày .../12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết về Kế hoạch đầu tư công năm 2023 tỉnh Quảng Bình (nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý); sau khi nghe Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế ngân sách; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Kế hoạch đầu tư công năm 2023 tỉnh Quảng Bình (Nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý) như sau:

Tổng nguồn vốn đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách tỉnh quản lý là: **3.661.915 triệu đồng**. Trong đó:

1. Nguồn vốn đầu tư công năm 2023 do tỉnh quản lý, phân bổ là: **1.716.225 triệu đồng** (Bằng chữ: Một ngàn bảy trăm mười sáu tỷ hai trăm hai mươi lăm triệu đồng). Trong đó:

- Vốn tập trung trong nước: 287.175 triệu đồng
- Vốn thu cấp quyền sử dụng đất: 925.000 triệu đồng
- Vốn xỏ số kiến thiết: 55.000 triệu đồng
- Nguồn thu phí sử dụng kết cấu hạ tầng khu vực cửa khẩu: 24.050 triệu đồng
- Nguồn vượt thu tiền đất 2022: 425.000 triệu đồng

2. Nguồn vốn đầu tư công năm 2023 do các huyện, thị xã, thành phố phân bổ là: **1.945.690 triệu đồng** (Bằng chữ: Một ngàn chín trăm bốn mươi lăm tỷ, sáu trăm chín mươi triệu đồng chẵn). Trong đó:

- Vốn tập trung trong nước: 191.450 triệu đồng
- Vốn thu cấp quyền sử dụng đất: 1.754.240 triệu đồng

3. Cơ cấu nguồn vốn, phương án phân bổ và danh mục các dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công năm 2023 tỉnh Quảng Bình (nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý) tại các Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Hội đồng nhân dân giao:

- UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật. Đối với các nguồn vốn chưa phân bổ chi tiết, lập phương án phân bổ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu HĐND tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày tháng 12 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và đầu tư; Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban và các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Báo Quảng Bình; Đài PT-TH QB;
- Trung tâm Tin học – Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CT HĐND tỉnh.

CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC 01: CƠ CẤU NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH QUẢN LÝ
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Phương án phân bổ	Kế hoạch năm 2023	Ghi chú
	Tổng nguồn	3.661.915	
I	Vốn do tỉnh phân bổ	1.716.225	
1	Vốn tập trung trong nước	287.175	
2	Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất	925.000	
3	Nguồn Xổ số kiến thiết	55.000	
4	Chi từ nguồn thu phí sử dụng kết cấu hạ tầng khu vực cửa khẩu	24.050	
5	Nguồn vượt thu sử dụng đất năm 2022	425.080	
II	Vốn do huyện, thị xã, thành phố phân bổ	1.945.690	
1	Vốn tập trung trong nước	191.450	
-	<i>Thành phố Đồng Hới</i>	<i>22.099</i>	
-	<i>Huyện Minh Hóa</i>	<i>23.714</i>	
-	<i>Huyện Tuyên Hóa</i>	<i>21.676</i>	
-	<i>Huyện Quảng Trạch</i>	<i>21.299</i>	
-	<i>Thị xã Ba Đồn</i>	<i>21.337</i>	
-	<i>Huyện Bố Trạch</i>	<i>31.218</i>	
-	<i>Huyện Quảng Ninh</i>	<i>20.680</i>	
-	<i>Huyện Lệ Thủy</i>	<i>29.427</i>	
2	Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất	1.754.240	

-	<i>Thành phố Đồng Hới</i>	460.805	
-	<i>Huyện Minh Hóa</i>	4.055	
-	<i>Huyện Tuyên Hóa</i>	31.850	
-	<i>Huyện Quảng Trạch</i>	204.600	
-	<i>Thị xã Ba Đồn</i>	203.600	
-	<i>Huyện Bố Trạch</i>	256.870	
-	<i>Huyện Quảng Ninh</i>	374.200	
-	<i>Huyện Lệ Thủy</i>	218.260	

PHỤ LỤC 02: PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023
NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH QUẢN LÝ

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Phương án phân bổ	Kế hoạch năm 2023	Ghi chú
A	TỔNG VỐN DO TỈNH PHÂN BỐ	1.716.225	
I	Phân bổ theo thứ tự ưu tiên	267.220	
1	Bố trí các công trình hoàn thành quyết toán và trả nợ XDCCB	55.000	Phân bổ chi tiết sau
2	Vốn đối ứng các dự án ODA	53.720	Phụ lục 3
3	Chuẩn bị đầu tư và Quy hoạch	10.000	Phân bổ chi tiết sau
4	Hỗ trợ DN theo các chính sách ưu đãi của tỉnh và hỗ trợ các dự án PPP; Hỗ trợ cho các DN cung cấp hàng hóa, dịch vụ công ích (bao gồm bổ sung vốn điều lệ cho Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Quảng Bình)	21.000	
5	Đối ứng 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 và nguồn vốn thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh	47.500	
5.1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Bình	25.000	
5.2	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Bình	12.500	Phân bổ chi tiết sau
5.3	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	10.000	
6	Hỗ trợ xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở	40.000	Phụ lục 4
7	Đầu tư khắc phục, thích ứng các khu vực ngập lụt	40.000	Phân bổ chi tiết sau
II	Phân bổ cho các công trình chuyển tiếp, trọng điểm, khởi công mới	1.449.005	
1	Bố trí các dự án hoàn thành, chuyển tiếp	471.450	Phụ lục 5
2	Bố trí các công trình trọng điểm, có tính liên kết vùng	214.950	Phụ lục 6
3	Bố trí các dự án khởi công mới năm 2023	762.605	Phụ lục 7
B	TỔNG VỐN DO HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ PHÂN BỐ	1.945.690	

THY LỤC: ĐỐI ƯNG CÁC DỰ ÁN ODA

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Dự kiến Kế hoạch năm 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2022		Kế hoạch năm 2022	Kế hoạch năm 2023
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh					
TỔNG SỐ						754.416	531.440	460.764	374.670	374.670	104.995	53.720
I	Đổi ứng các dự án ODA					754.416	531.440	330.764	374.670	374.670	74.995	33.720
1	Dự án Phát triển môi trường, hạ tầng đô thị để ứng phó với biến đổi khí hậu thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	2017	2022	221/QĐ-UBND ngày 28/1/2015; 2681/QĐ-UBND ngày 29/9/2015; 3473/QĐ-UBND ngày 02/10/2017	176.748	176.748	93.748	150.856	150.856	20.982	9.000
2	Dự án môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Đồng Hới (WB)	Đồng Hới	2017	2022	3520/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	177.769	96.413	48.413	77.413	77.413	5.207	3.300
3	Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình (ADB)	Quảng Bình	2018	2023	1769/QĐ-UBND ngày 30/5/2018	259.650	118.030	57.030	99.020	99.020	19.010	5.000
4	Dự án hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Quảng Bình	Quảng Bình	2018	2023	548/QĐ-TTg ngày 21/4/2017 1757/QĐ-UBND ngày 19/5/2017 3479/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	31.330	31.330	28.530	10.619	10.619	6.910	14.120
5	Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng Mê Công mở rộng - giai đoạn 2, Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình	Quảng Bình	2019	2023	3590/QĐ-UBND ngày 25/10/2018; 1142/QĐ-UBND ngày 14/4/2020	40.699	40.699	34.823	22.075	22.075	8.199	2.000
6	Dự án cấp nước sinh hoạt huyện Quảng Trạch giai đoạn 2	Ba Đồn, Quảng Trạch	2020	2024	1842/QĐ-TTg ngày 18/11/2020	54.190	54.190	54.190	8.177	8.177	8.177	100

PHỤ LỤC 3: ĐỐI ƯNG CÁC DỰ ÁN ODA*(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)**Đơn vị: Triệu đồng*

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Dự kiến Kế hoạch năm 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2022		Kế hoạch năm 2022	Kế hoạch năm 2023
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh					
7	Dự án cải thiện thu nhập bền vững và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vì cộng đồng nông thôn hòa bình tỉnh Quảng Bình	Toàn tỉnh	2021	2025	617/TTg-QHQT ngày 12/5/2021	14.030	14.030	14.030	6.510	6.510	6.510	200
II	Dự phòng vốn đối ứng ODA							130.000			30.000	20.000

PHỤ LỤC 4: PHÂN BỐ CHI TIẾT TRUNG HẠN VÀ KẾ HOẠCH 2023 NGUỒN VỐN HỖ TRỢ XÂY MỚI; CẢI TẠO, SỬA CHỮA NHÀ VĂN HÓA-KHU THỂ THAO THÔN, BẢN, TỔ DÂN PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Huyện, thị xã, thành phố	Tổng giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2023	Ghi chú
1	Minh Hóa	16.010	8.005	
2	Tuyên Hóa	4.685	2.343	Giao HĐND các huyện, thị xã, thành phố phân bổ chi tiết
3	Quảng Trạch	5.705	2.853	
4	Ba Đồn	5.255	2.628	
5	Bố Trạch	27.175	13.588	
6	Đồng Hới	5.730	2.865	
7	Quảng Ninh	5.400	2.700	
8	Lệ Thủy	10.040	5.020	
	Tổng cộng:	80.000	40.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2022		KH năm 2023	
					QĐ chủ trương đầu tư	TMDT		Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					Trong đó: NS tỉnh
	TỔNG CỘNG						955.450	381.593	381.593	471.450	
A	LĨNH VỰC KINH TẾ						413.080	179.243	179.243	185.450	
I	NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN						89.240	30.600	30.600	44.900	
1	Đường tuần tra bảo vệ rừng kết hợp du lịch sinh thái Khe nước Trong thuộc khu DTIN Động Châu-Khe nước Trong	Lệ Thủy	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 1528/QĐ-UBND ngày 8/6/2022	12.000	12.000	11.640	5.600	5.600	5.400
2	Xây dựng bản đồ ngập lụt và phần mềm cảnh báo lũ phục vụ công tác Phòng chống thiên tai cho 03 lưu vực sông lớn trên địa bàn tỉnh Quảng Bình	Toàn tỉnh	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 2459/QĐ-UBND ngày 13/09/2022	10.000	10.000	9.700	3.000	3.000	4.000
3	Cấp nước sinh hoạt cụm xã phía Tây huyện Lệ Thủy (giai đoạn 1)	Lệ Thủy	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 2246/QĐ-UBND ngày 18/08/2022	37.000	37.000	35.890	11.100	11.100	22.000
4	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống các tuyến kênh chính thuộc Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Quảng Bình quản lý	Toàn tỉnh	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 1942/QĐ-UBND ngày 14/7/2022	20.000	20.000	19.400	6.000	6.000	8.500
5	Sửa chữa, nâng cấp đường cứu hộ, cứu nạn hồ chứa nước Rào Đá, huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 1568/QĐ-UBND ngày 10/6/2022	5.000	5.000	4.850	2.500	2.500	2.000
6	Sửa chữa nâng cấp đập A và đập B công trình Rào Sen, huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 2513/QĐ-UBND ngày 19/09/2022	8.000	8.000	7.760	2.400	2.400	3.000
II	GIAO THÔNG						50.440	17.600	17.600	25.000	
1	Xây dựng cầu Đức Nghĩa (Km3+430/ĐT.570B), thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 787/QĐ-UBND ngày 28/3/2022	52.000	52.000	50.440	17.600	17.600	25.000
III	KHU KINH TẾ, KHU CÔNG NGHIỆP						98.800	60.000	60.000	24.050	

PHỤ LỤC 5: CÁC DỰ ÁN HOÀN THÀNH, CHUYÊN TIẾP

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2022		KH năm 2023
					QĐ chủ trương đầu tư	TMDT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				
1	Hạ tầng KCN Bắc Đồng Hới (mở rộng)	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 57/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 1170/QĐ-UBND ngày 09/05/2022	60.000	60.000	60.000	33.000	33.000	18.500
2	Dự án Đầu tư xây dựng các trục đường giao thông KCN Tây Bắc Quán Hâu	Quảng Ninh	2017	2024	3207/QĐ-UBND ngày 14/10/2016; 861/QĐ-UBND ngày 23/03/2021 ; 1171/QĐ-UBND ngày 9/5/2022	57.000	57.000	38800	27000	27000	5.550
IV	CÔNG NGHIỆP					25.000	25.000	24.250	7.500	7.500	9.000
1	Hoàn thiện hạ tầng Cụm công nghiệp Thuận Đức, thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 2551/QĐ-UBND ngày 21/09/2022	25.000	25.000	24.250	7.500	7.500	9.000
V	DU LỊCH					75.000	75.000	72.750	35.500	35.500	34.500
1	Đường từ nhánh Đông đường Hồ Chí Minh vào Khu du lịch sinh thái Trầm Mè (gd2)	Bồ Trạch	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 56/QĐ-UBND ngày 11/01/2022	20.000	20.000	19.400	7.500	7.500	10.500
2	Xây dựng mới các Trạm và Chốt Kiểm lâm (Trạm Kiểm lâm Thượng Hóa, Trạm Kiểm lâm Khe Gát, Chốt Kiểm lâm Cây Ngá, Chốt Kiểm lâm 39, Chốt Kiểm lâm và Điểm dừng chân Trạ Ang)	Bồ Trạch, Minh Hóa	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 998/QĐ-UBND ngày 18/4/2022	25.000	25.000	24.250	11.500	11.500	12.000
3	Đường phòng cháy, chữa cháy kết hợp tuần tra bảo vệ rừng và du lịch sinh thái từ Km3 đường Hồ Chí Minh nhánh Tây đến sân bay Khe Gát	Bồ Trạch	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 449/QĐ-UBND ngày 18/2/2022	30.000	30.000	29.100	16.500	16.500	12.000
VI	CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TẠI ĐÔ THỊ					71.000	55.000	53.350	20.543	20.543	32.000

PHỤ LỤC 5: CÁC DỰ ÁN HOÀN THÀNH, CHUYÊN TIẾP

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2022		KH năm 2023
					QĐ chủ trương đầu tư	TMĐT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				
1	Nâng cấp, cải tạo hệ thống công viên, cây xanh trên địa bàn thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 1257/QĐ-UBND ngày 19/5/2022	35.000	35.000	33.950	10.500	10.500	23.000
2	Chỉnh trang đô thị đoạn tuyến Quốc lộ 1 thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2022	2024	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 1972/QĐ-UBND ngày 19/07/2022	36.000	20.000	19.400	10.043	10.043	9.000
VII	TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG					25.000	25.000	24.250	7.500	7.500	16.000
1	Xử lý ô nhiễm môi trường các điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại một số xã trên địa bàn huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình	Quảng Ninh	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 3132/QĐ-UBND ngày 15/11/2022	25.000	25.000	24.250	7.500	7.500	16.000
B	LĨNH VỰC VĂN HÓA XÃ HỘI					274.000	274.000		116.650	116.650	137.600
I	KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH					50.000	50.000	48.500	15.400	15.400	29.200
1	Đầu tư xây dựng khu thực nghiệm nông nghiệp thông minh - Nông nghiệp 4.0 tại Trung tâm Ứng dụng và Thống kê Khoa học và Công nghệ Quảng Bình	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 1811/QĐ-UBND ngày 01/07/2022	10.000	10.000	9.700	3.000	3.000	5.000
2	Đầu tư bổ sung thiết bị kiểm tra, kiểm định, hiệu chuẩn đo lường	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 991/QĐ-UBND ngày 18/4/2022	8.000	8.000	7.760	2.400	2.400	4.000
3	Đầu tư mua sắm thiết bị kỹ thuật chuẩn HD cho hệ thống mạng sản xuất chương trình và nâng cao năng lực quản lý của Đài PT&TH Quảng Bình	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 2241/QĐ-UBND ngày 18/08/2022	25.000	25.000	24.250	7.500	7.500	16.000

PHỤ LỤC 5: CÁC DỰ AN HOÀN THÀNH, CHUYÊN TIẾP

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2022		KH năm 2023
					QĐ chủ trương đầu tư	TMDT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tính	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tính				
4	Cải tạo, nâng cấp trụ sở Sở Khoa học công nghệ	Đồng Hới	2022	2023	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 2936/QĐ-UBND ngày 27/10/2022	7.000	7.000	6.790	2.500	2.500	4.200
II	VĂN HÓA, THỂ DỤC THỂ THAO, XÃ HỘI					81.000	81.000	78.570	24.300	24.300	48.500
1	Tuyến đường dạo, cây xanh, điện chiếu sáng, hệ thống nước thải vòng ngoài Hồ Thành Đồng Hới	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 2159/QĐ-UBND ngày 10/8/2022	20.000	20.000	19.400	6.000	6.000	13.000
2	Cải tạo nâng cấp các hạng mục trong khuôn viên Khu lăng mộ Lê Thành Hầu Thượng Đăng Thân Nguyễn Hữu Cảnh	Lệ Thủy	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 3167/QĐ-UBND ngày 17/11/2022	15.000	15.000	14.550	4.500	4.500	9.000
3	Trung tâm chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần tính Quảng Bình (giai đoạn 3)	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 550/QĐ-UBND ngày 01/03/2022	23.000	23.000	22.310	6.900	6.900	15.000
4	Tôn tạo, nâng cấp khu di tích lịch sử thanh niên xung phong Xuân Sơn	Bố Trạch	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 2134/QĐ-UBND ngày 9/8/2022	15.000	15.000	14.550	4.500	4.500	9.500
5	Cải tạo, sửa chữa nhà thiếu nhi Quảng Bình	Đồng Hới	2023	2025	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; .../NQ-HĐND ngày tháng 12/2022	8.000	8.000	7.760	2.400	2.400	2.000
III	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN					16.000	16.000	15.520	6.450	6.450	8.600
1	Nâng cấp, phát triển mạng diện rộng của tỉnh; xây dựng hệ thống giám sát an toàn thông tin mạng và phòng chống mã độc tập trung	Toàn tỉnh	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 2558/QĐ-UBND ngày 22/9/2022	7.000	7.000	6.790	2.100	2.100	4.500

PHỤ LỤC 5: CÁC DỰ AN HOÀN THÀNH, CHUYỂN TIẾP

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2022		KH năm 2023
					QĐ chủ trương đầu tư	TMDT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tính	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tính				
2	Xây dựng hệ thống hạ tầng cơ sở dữ liệu quản lý không gian (SDI) quản lý quy hoạch xây dựng	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 2627/QĐ-UBND ngày 27/9/2022	4.500	4.500	4.365	1.350	1.350	2.800
3	Nâng cấp, triển khai, nhân rộng phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Quảng Bình	Toàn tỉnh	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 2133/QĐ-UBND ngày 09/08/2022	4.500	4.500	4.365	3.000	3.000	1.300
IV	GIÁO DỤC ĐÀO TẠO (Thuộc nhiệm chi vụ cấp tỉnh)					126.883	126.883	123.190	70.500	70.500	49.400
1	Nhà nội trú giáo viên 2 tầng 20 phòng và hạ tầng kỹ thuật Trường THCS&THPT Bắc Sơn	Tuyên Hóa	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 1369/QĐ-UBND ngày 27/05/2022	9.000	9.000	8.730	4.500	4.500	4.000
2	Nhà lớp học, nhà hiệu bộ và hạ tầng kỹ thuật Trường THPT Trần Hưng Đạo	Lệ Thủy	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 1960/QĐ-UBND ngày 18/07/2022	7.477	7.477	7.275	3.750	3.750	3.000
3	Nhà Lớp học bộ môn 3 tầng 9 phòng Trường THPT Lương Thế Vinh	Ba Đồn	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 4291/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	8.500	8.500	8.245	4.550	4.550	3.600
4	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường THPT Phan Bội Châu	Tuyên Hóa	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 1467/QĐ-UBND ngày 06/06/2022	6.926	6.926	6.790	6.600	6.600	190
5	Dãy nhà 3 tầng 18 phòng học Trường THPT Quang Trung	Quảng Trạch	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 4290/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	12.000	12.000	11.640	8.600	8.600	2.500
6	Nhà đa năng và hạ tầng kỹ thuật Trường THPT Nguyễn Hữu Cảnh	Quảng Ninh	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 1757/QĐ-UBND ngày 28/06/2022	8.000	8.000	7.760	2.400	2.400	5.300
7	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng học Trường THPT Lê Trục	Tuyên Hóa	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 4289/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	7.000	7.000	6.790	5.100	5.100	1.600

PHỤ LỤC 5: CÁC DỰ AN HOÀN THÀNH, CHUYÊN TIẾP

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2022		KH năm 2023
					QĐ chủ trương đầu tư	TMĐT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				
8	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng Trường THCS và THPT Dương Văn An	Lê Thủy	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 4294/QĐ-UBND ngày 24/12/2022	8.000	8.000	7.760	7.700	7.700	60
9	Nhà lớp học bộ môn 8 phòng Trường THCS&THPT Trung Hóa	Minh Hóa	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 4302/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	7.500	7.500	7.275	3.750	3.750	3.200
10	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng trường THPT Nguyễn Trãi	Bố Trạch	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 2315/QĐ-UBND ngày 25/08/2022	8.000	8.000	7.760	3.900	3.900	3.800
11	Ký túc xá học sinh Trường THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 1651/QĐ-UBND ngày 20/06/2022	14.980	14.980	14.550	4.500	4.500	9.000
12	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng và công trình phụ trợ Trường THPT Nguyễn Chí Thanh	Lê Thủy	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 1522/QĐ-UBND ngày 08/06/2022	8.500	8.500	8.245	2.550	2.550	5.600
13	Cải tạo khu Ký túc xá học sinh trường PTĐTNT tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 4482/QĐ-UBND ngày 28/12/2021	5.000	5.000	4.850	4.800	4.800	50
14	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng Trường THPT Hùng Vương	Bố Trạch	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 2316/QĐ-UBND ngày 25/08/2022	8.000	8.000	7.760	3.900	3.900	3.800
15	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng Trường THPT Ngô Quyền	Bố Trạch	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 1707/QĐ-UBND ngày 22/06/2022	8.000	8.000	7.760	3.900	3.900	3.700
V	Lĩnh vực Y tế					3.000	3.000	2.910	1.000	1.000	1.900
1	Cải tạo, nâng cấp trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2022	2023	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 2492/QĐ-UBND ngày 15/9/2022	3.000	3.000	2.910	1.000	1.000	1.900

PHỤ LỤC 5: CÁC DỰ ÁN HOÀN THÀNH, CHUYỂN TIẾP

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2022		KH năm 2023
					QĐ chủ trương đầu tư	TMDT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				
C	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC					123.000	123.000	120.210	30.400	30.400	77.400
1	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các cơ quan Đảng tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025	Toàn tỉnh	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 2598/QĐ-UBND ngày 27/9/2022	20.000	20.000	19.400	6.000	6.000	10.500
2	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc UBND tỉnh	Đồng Hới	2023	2025	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 57/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	30.000	30.000	30.000	2.500	2.500	24.000
3	Nâng cấp cơ sở vật chất và đầu tư hệ thống công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của HĐND tỉnh	Đồng Hới	2023	2025	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; .../NQ-HĐND ngày tháng 12/2022	25.000	25.000	24.250	1.000	1.000	18.000
4	Cải tạo trụ sở làm việc và khuôn viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 2201/QĐ-UBND ngày 12/08/2022	12.000	12.000	11.640	3.600	3.600	8.000
5	Nâng cấp, sửa chữa một số hạng mục Trung tâm giáo dục dạy nghề và hỗ trợ Nông dân -Phụ nữ Quảng Bình	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 1746/QĐ-UBND ngày 27/06/2022	7.000	7.000	6.790	3.600	3.600	3.100
6	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Ban Dân tộc và nâng cấp hệ thống dữ liệu công tác dân tộc	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 2112/QĐ-UBND ngày 03/08/2022	8.000	8.000	7.760	2.400	2.400	5.300
7	Điểm trưng bày, giới thiệu sản phẩm và kết nối, hỗ trợ phụ nữ sáng tạo khởi nghiệp	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 2320/QĐ-UBND ngày 26/08/2022	6.000	6.000	5.820	1.800	1.800	3.500
8	Cải tạo trụ sở làm việc Liên đoàn Lao động tỉnh Quảng Bình và các đơn vị trực thuộc	TP Đồng Hới và các huyện	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 2172/QĐ-UBND ngày 11/08/2022	5.000	5.000	4.850	1.500	1.500	3.300

PHỤ LỤC 5: CÁC DỰ AN HOÀN THÀNH, CHUYÊN TIẾP

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2022		KH năm 2023	
					QĐ chủ trương đầu tư	TMDT		Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					Trong đó: NS tỉnh
9	Sửa chữa, mở rộng trụ sở Đảng ủy Khối Doanh nghiệp	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 4295/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	10.000	10.000	9.700	8.000	8.000	1.700
D	LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG-AN NINH					165.000	165.000	153.470	54.300	54.300	71.000
1	Đầu tư xây dựng Trung tâm một cửa liên thông Công an tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 1283/QĐ-UBND ngày 23/05/2022	28.000	28.000	27.160	11.400	11.400	12.000
2	Đầu tư xây dựng 22 trụ sở công an xã thuộc Công an tỉnh Quảng Bình (giai đoạn 1)	Đồng Hới	2023	2025	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 57/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 .../NQ-HĐND ngày tháng 12/2022	22.000	22.000	21.340	6.600	6.600	3.000
3	Đường từ Km56, đường tỉnh 562 vào đến bản Nông cũ và bản Nông mới xã Thượng Trạch, huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 1449/QĐ-UBND ngày 03/06/2022	25.000	25.000	24.250	7.500	7.500	15.000
4	Nâng cấp tuyến đường từ đường tránh Quốc lộ 1A đến Đồn Biên phòng Ngự Thủy và đến xã Ngự Thủy, huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 57/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 1798/QĐ-UBND ngày 30/06/2022	25.000	25.000	24.250	7.500	7.500	15.000
5	Đường tuần tra và các hạng mục phụ trợ khu quân sự	Lệ Thủy	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 57/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	16.000	16.000	15.520	4.800	4.800	7.700
6	Doanh trại Trung đội công binh và đội 589/Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 57/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	15.000	15.000	14.550	4.500	4.500	7.500
7	Đường giao liên trong khu căn cứ hậu phương tỉnh Quảng Bình	Bố Trạch	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 3226/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	20.000	20.000	19.400	6.000	6.000	10.000

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2022		KH năm 2023
					QĐ chủ trương đầu tư	TMĐT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tính	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tính				
8	Nâng cấp tuyến đường từ Km 51, đường tỉnh 562 vào đến UBND xã Thượng Trạch	Bồ Trạch	2021	2023	157/NQ-HĐND ngày 9/12/2020	14.000	14.000	7.000	6000	6000	800

PHỤ LỤC 6: CÁC CÔNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM , CÓ TÍNH LIÊN KẾT VÙNG

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2022		KH 2023
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh				
TỔNG SỐ						3.957.000	1.260.000	1.246.200	1.508.696	487.196	214.950
1	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quảng Bình (cơ sở 2)	Ba Đồn	2022	2025	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	300.000	300.000	291.000	60.000	60.000	30.000
2	Đầu tư xây dựng công trình cấp điện lưới cho các xã Tân Trạch, Thượng Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình	Bố Trạch	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 1872/QĐ-UBND ngày 7/7/2022	110.000	110.000	106.700	33.000	33.000	67.950
3	Kè biển xã Cảnh Dương	Quảng Trạch	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 1466/QĐ-UBND ngày 06/06/2022	50.000	50.000	48.500	15.600	15.600	32.000
4	Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3 tỉnh Quảng Bình	Toàn tỉnh	2021	2026	160/NQ-HĐND ngày 09/12/2020; 27/NQ-HĐND ngày 29/10/2021;	3.497.000	800.000	800.000	1.400.096	378.596	85.000

PHỤ LỤC 7: CÁC DỰ ÁN KHÔI CÔNG MÔI TRƯỜNG NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2022		KH năm 2023
					QĐ chủ trương đầu tư	TMĐT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				
	TỔNG CỘNG					2.407.175	2.227.175	2.160.660	80.540	80.540	762.605
A	LĨNH VỰC KINH TẾ					1.536.075	1.506.075	1.461.180	63.130	63.130	521.505
I	THỦY LỢI, NƯỚC SẠCH					194.000	194.000	188.190	11.550	11.550	68.000
1	Xây dựng hệ thống kênh mương và hệ thống đập tràn hồ chứa nước Tróc Trâu (Giai đoạn 2)	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	28.000	28.000	27.160	3.000	3.000	10.000
2	Kè chống sạt lở đồi núi Thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa (giai đoạn 1)	Minh Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	17.500	17.500	16.980	1.200	1.200	6.000
3	Xây dựng Kè biển Hải Trạch, xã Hải Phú	Bồ Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	20.000	20.000	19.400	600	600	6.700
4	Xây dựng kè chống sạt lở các xã Hiền Ninh, Trường Xuân	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	18.000	18.000	17.460	1.200	1.200	6.200
5	Xây dựng Hồ Khe Luốc và Kè Tam Hương, huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	15.000	15.000	14.550	850	850	5.200
6	Xây dựng, nạo vét và gia cố kênh thoát lũ từ cầu Mệ Sói đến thôn Rẫy Cau (Đoạn từ Cầu Rẫy Cau đến đường Nguyễn Đóa)	Đông Hới	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	15.000	15.000	14.550	200	200	5.200
7	Tuyển mương thoát lũ, đường và kè khu vực Đồng Láng xã Hải Phú, huyện Bồ Trạch	Bồ Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	15.000	15.000	14.550	300	300	5.200
8	Nâng cấp, mở rộng công trình nước sạch nông thôn	các huyện	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	23.000	23.000	22.310	700	700	8.000

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2022		KH năm 2023
					QĐ chủ trương đầu tư	TMBT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				
9	Kè chống sạt lở bờ suối xã Hóa Sơn, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	17.500	17.500	16.980	1.300	1.300	6.000
10	Xây dựng Kênh tưới Nguyệt Ánh - Thế Lộc - Tân Thành, xã Tân Ninh, huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 2988/QĐ-UBND ngày 01/11/2022	10.000	10.000	9.700	1.000	1.000	4.200
11	Kè chống sạt lở bờ suối tại thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	15.000	15.000	14.550	1.200	1.200	5.300
II	GIAO THÔNG					1.074.000	1.064.000	1.032.350	41.030	41.030	369.305
1	Nâng cấp tuyến Đường tỉnh 562	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 .../NQ-HĐND ngày tháng 12/2022	120.000	120.000	116.400	800	800	40.000
2	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường hai đầu cầu Cồn Năm xã Quảng Minh, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	20.000	20.000	19.400	420	420	7.000
3	Đường giao thông từ thị trấn Đồng Lê đi xã Thuận Hóa, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	20.000	20.000	19.400	1.000	1.000	7.000
4	Đầu tư xây dựng đường nối từ trục N2 đi các xã phía Bắc và kết nối với trục B2 trước nhà máy may, huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	40.000	40.000	38.800	3.510	3.510	14.000
5	Tuyến đường từ ngã tư trung tâm thị trấn Quy Đạt đi tổ dân phố 2, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	22.000	22.000	21.340	900	900	7.500
6	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã Hàm Ninh, Võ Ninh, Duy Ninh	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	28.000	28.000	27.160	1.500	1.500	9.500
7	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã Sơn Thủy, Hoa Thủy, Thị trấn Nông trường Lệ Ninh	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	34.000	34.000	32.980	1.800	1.800	12.000

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2022		KH năm 2023
					QĐ chủ trương đầu tư	TMDT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				
8	Cầu thôn Ba Đa, xã Nghĩa Ninh, thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 2951/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	28.000	28.000	27.160	500	500	10.000
9	Hoàn thiện các tuyến đường giao thông nội thị tại thị trấn Hoàn Lão, huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	40.000	40.000	38.800	800	800	13.500
10	Đầu tư xây dựng đường Triệu Quang Phục, Phường Bắc Nghĩa.	Đồng Hới	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 2363/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	30.000	30.000	29.100	500	500	15.000
11	Đường Nguyễn Hữu Cảnh nối dài, đoạn từ ngã tư Võ Nguyên Giáp đi quốc lộ 1A, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	27.000	27.000	26.190	470	470	9.500
12	Đầu tư xây dựng hạ tầng tuyến đường từ chợ Quảng Lưu đi Trung tâm xã Quảng Thạch kết nối tỉnh lộ 22	Quảng Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3036/QĐ-UBND ngày 7/11/2022	28.000	28.000	27.160	1.540	1.540	10.000
13	Xây dựng các tuyến đường xã Mai Hóa, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 2454/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	15.000	15.000	14.550	540	540	6.105
14	Tuyến đường nối đường Hai Bà Trưng đến trường Mầm non số 1 thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	20.000	20.000	19.400	800	800	7.000
15	Tuyến đường liên xã Hải Phú đi Sơn Lộc (đoạn từ Sơn Lộc đi ngã ba Thọ Lộc)	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	19.000	19.000	18.430	500	500	6.500
16	Tuyến đường kết nối trung tâm Thị xã Ba Đồn đi trung tâm huyện Quảng Trạch	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 2346/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	27.000	27.000	26.190	450	450	10.000
17	Đầu tư xây dựng các tuyến đường xã Quảng Châu, huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	16.000	16.000	15.520	980	980	5.500

PHỤ LỤC 7: CÁC DỰ AN KHÔI CÔNG MỚI NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2022		KH năm 2023
					QĐ chủ trương đầu tư	TMBT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				
18	Xây dựng tuyến đường giao thông từ xã Phúc Trạch đi các xã Lâm Trạch và Liên Trạch, huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	15.000	15.000	14.550	400	400	5.000
19	Đầu tư xây dựng đường giao thông liên xã Lê Hóa - Kim Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	30.000	30.000	29.100	1.200	1.200	10.000
20	Tuyến đường giao thông xã Hóa Thanh, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	15.000	15.000	14.550	700	700	5.000
21	Đường giao thông liên xã từ Hoàn Lão đi Tây Trạch	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	20.000	-20.000	19.400	400	400	7.000
22	Đường liên xã Quảng Tiên đi Quảng Trung, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	15.000	15.000	14.550	500	500	5.100
23	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã Trường Thủy, Thái Thủy và Dương Thủy	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	30.000	30.000	29.100	1.150	1.150	10.000
24	Đầu tư xây dựng các tuyến đường tại xã Quảng Lưu và xã Quảng Hợp, huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	15.000	15.000	14.550	650	650	5.100
25	Đầu tư các tuyến đường trên địa bàn xã Phong Hóa và Hương Hóa, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	24.000	24.000	23.280	1.150	1.150	8.200
26	Xây dựng đường liên xã Dinh Mười đi Tân Định	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	15.000	15.000	14.550	1.000	1.000	5.000
27	Đường nối từ Trung tâm giáo dục dạy nghề đi thị trấn Đồng Lê, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	20.000	20.000	19.400	880	880	7.000
28	Cầu vượt lũ Tân Lý, xã Minh Hóa, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022/NQ-HĐND số ngày /12/2022	29.000	29.000	28.400	900	900	7.000

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2022		KH năm 2023
					QĐ chủ trương đầu tư	TMDT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tính	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tính				
29	Tuyến đường từ Trung tâm xã Tây Trạch đi đường Hồ Chí Minh, huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	15.000	15.000	14.550	400	400	5.100
30	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ trung tâm huyện đi các xã phía Đông Bắc huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	25.000	15.000	14.550	3.930	3.930	5.100
31	Đầu tư xây dựng đường từ phường Quảng Thọ đến Trạm biên phòng Cảng Gianh phường Quảng Phúc	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	37.000	37.000	35.890	600	600	12.000
32	Xây dựng tuyến đường từ cầu Hói Cửa, xã An Thủy đi phía tây huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 2591/QĐ-UBND ngày 26/9/2022	17.000	17.000	16.490	590	590	6.000
33	Tuyến đường giao thông đường Võ Thị Sáu, Phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 2870/QĐ-UBND ngày 24/10/2022	15.000	15.000	14.550	400	400	6.500
34	Đầu tư xây dựng các tuyến đường xã Quảng Xuân, huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022, 3225/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	22.000	22.000	21.340	1.370	1.370	7.500
35	Xây dựng các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã Cao Quảng, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	15.000	15.000	14.550	820	820	5.100
36	Đầu tư xây dựng tuyến đường xã Yên Hóa	Minh Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	22.000	22.000	21.340	1.000	1.000	7.500
37	Xây dựng tuyến đường 30 nối QL1A với đường về nhà lưu niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	28.000	28.000	27.160	950	950	9.500
39	Xây dựng tuyến đường cứu hộ, cứu nạn các xã phía nam huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	15.000	15.000	14.550	450	450	6.000
40	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã An Ninh, Vạn Ninh, Tân Ninh, Xuân Ninh	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3268/QĐ-UBND ngày 24/11/2022	23.000	23.000	22.310	1.500	1.500	8.000

PHỤ LỤC 7: CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2022		KH năm 2023
					QĐ chủ trương đầu tư	TMDT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				
41	Xây dựng tuyến đường giao thông kết nối Đường Hồ Chí Minh vào trung tâm Thị trấn Nông Trường Việt Trung	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	15.000	15.000	14.550	300	300	5.200
42	Đường nối từ Hà Nam vào Trung tâm xã Thạch Hóa, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3293/QĐ-UBND n ngày 28/11/2022	15.000	15.000	14.550	580	580	5.200
43	Tuyến đường từ cầu Ngâm Rinh - Thanh Liêm, xã Trung Hóa, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 3286/QĐ-UBND ngày 25/11/2022	15.000	15.000	14.550	700	700	5.200
44	Xây dựng Cầu và đường hai đầu cầu Trường Sơn thuộc tuyến đường Trường Xuân - Trường Sơn	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3189/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	33.000	33.000	32.010	1.500	1.500	11.000
III	HẠ TẦNG KỸ THUẬT					188.575	188.575	182.920	8.250	8.250	63.800
1	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật từ thị trấn Đồng Lê đi xã Sơn Hóa, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3019/QĐ-UBND ngày 3/11/2022	25.000	25.000	24.250	1.100	1.100	8.500
2	Hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thoát nước thải tại trung tâm huyện lỵ mới huyện Quảng Trạch (giai đoạn 1)	Quảng Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	28.000	28.000	27.160	2.500	2.500	9.500
3	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng trên địa bàn huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	10.000	10.000	9.700	450	450	3.500
4	Hệ thống trang trí đèn LED dọc sông Nhật Lệ (Đoạn từ thôn Mỹ Cảnh đến thôn Hà Thôn, xã Bảo Ninh)	Đồng Hới	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	15.000	15.000	14.550	200	200	5.200
5	Xây dựng khu tái định cư di dời các hộ dân bị ảnh hưởng bởi nhà máy xi măng Áng Sơn, xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	9.000	9.000	8.730	1.000	1.000	3.100
6	Chỉnh trang đô thị đường Trương Pháp	Đồng Hới	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	36.575	36.575	35.480	500	500	12.000

PHỤ LỤC 7: CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2022		KH năm 2023
					QĐ chủ trương đầu tư	TMDT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				
7	Xây dựng hạ tầng và đường giao thông kết nối Bệnh viện Đa khoa huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	65.000	65.000	63.050	2.500	2.500	22.000
V	DU LỊCH					79.500	59.500	57.720	2.300	2.300	20.300
1	Xây dựng Trung tâm thông tin và hỗ trợ khách Du lịch tại Phong Nha Kẻ Bàng	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	12.500	12.500	12.130	500	500	4.300
2	Xây dựng Quảng trường biển, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	45.000	25.000	24.250	500	500	8.500
3	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã Lương Ninh, Vĩnh Ninh và Trường Xuân	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	22.000	22.000	21.340	1.300	1.300	7.500
B	LĨNH VỰC VĂN HÓA XÃ HỘI					767.600	617.600	599.080	13.150	13.150	206.200
I	Y TẾ					532.600	382.600	371.130	9.450	9.450	127.200
1	Xây dựng Bệnh viện Đa khoa huyện Quảng Ninh (cơ sở 2)	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	120.000	120.000	116.400	1.000	1.000	36.000
2	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh (CDC)	Đồng Hới	2023	2025	57/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	220.000	70.000	67.900			23.000
3	Xây dựng mới nhà cận lâm sàng phòng khám đa khoa Khu vực Hóa Tiến, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	6.000	6.000	5.820	300	300	2.000
4	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm và các Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2024	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	6.000	6.000	5.820	340	340	3.500
5	Đầu tư xây dựng Khu kỹ thuật và điều trị liên chuyên khoa, bệnh viện đa khoa huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	50.000	50.000	48.500	1.500	1.500	15.000
6	Đầu tư Xây dựng khuôn viên hạ tầng kỹ thuật, khu khám và điều trị phòng khám đa khoa khu vực Thanh Lạng, xã Thanh Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	6.000	6.000	5.820	300	300	2.500

PHỤ LỤC 7: CÁC DỰ AN KHÔI CÔNG MÔI NAM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2022		KH năm 2023
					QĐ chủ trương đầu tư	TMDT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				
7	Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp Trung tâm và các trạm y tế thuộc trung tâm y tế huyện Tuyên hóa	Tuyên Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	22.000	22.000	21.340	1.160	1.160	7.500
8	Cải tạo, nâng cấp các Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023	2024	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	11.000	11.000	10.670	580	580	6.000
9	Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp Trung tâm và các trạm y tế thuộc trung tâm y tế thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	22.000	22.000	21.340	660	660	7.500
10	Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp các trạm y tế thuộc trung tâm y tế huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	15.500	15.500	15.040	830	830	5.500
11	Cải tạo nâng cấp Trung tâm và các Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	2023	2024	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	7.000	7.000	6.790	430	430	2.500
12	Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp Trung tâm và các trạm y tế thuộc trung tâm y tế huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	15.100	15.100	14.650	450	450	5.200
13	Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp Trung tâm và các trạm y tế thuộc trung tâm y tế huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	32.000	32.000	31.040	1.900	1.900	11.000
II	VĂN HÓA, THỂ DỤC THỂ THAO, KHOA HỌC CÔNG NGHỆ					235.000	235.000	227.950	3.700	3.700	79.000
1	Bảo tồn, tôn tạo, giữ gìn bảo vệ cảnh quan môi trường cho di tích khảo cổ Bầu Tró	Đồng Hới	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	50.000	50.000	48.500	1.500	1.500	17.000
2	Xây dựng Trung tâm thể dục thể thao huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	75.000	75.000	72.750	1.000	1.000	25.000
3	Nhà thi đấu đa năng và các công trình phụ trợ, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	75.000	75.000	72.750	500	500	25.000

PHỤ LỤC 7: CÁC DỰ ÁN KHÔI CÔNG MỌI NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2022		KH năm 2023
					QĐ chủ trương đầu tư	TMĐT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				
4	Sân vận động trung tâm huyện Bồ Trạch	Bồ Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	25.000	25.000	24.250	500	500	8.500
5	Đầu tư hệ thống Trung tâm chuẩn, thiết bị đo lường, thử nghiệm	Đồng Hới	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	10.000	10.000	9.700	200	200	3.500
C	LĨNH VỰC KHÁC					103.500	103.500	100.400	4.260	4.260	34.900
1	Chương trình Phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025	Toàn tỉnh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	25.000	25.000	24.250	600	600	8.000
2	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho BQL Khu DTTN Động Châu-Khe Nước Trong	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 3161/QĐ-UBND ngày 17/11/2022	20.000	20.000	19.400	900	900	7.000
3	Xây dựng khu tạm lánh, nhà ăn cho đối tượng người lang thang cơ nhỡ	Đồng Hới	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	7.000	7.000	6.790	350	350	2.500
4	Cầu kiểm soát Cửa Sông Gianh	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3282/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	15.000	15.000	14.550	500	500	5.100
5	Xây dựng phòng học bộ môn Trường THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp (Giai đoạn 2)	Đồng Hới	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	9.000	9.000	8.730	410	410	3.000
6	Xây dựng Ký túc xá sinh viên Trường Cao đẳng Y tế Quảng Bình	Đồng Hới	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	12.500	12.500	12.130	500	500	4.300
7	Xây dựng Trụ sở xã Ngự Thủy	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	15.000	15.000	14.550	1.000	1.000	5.000